

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 611/2025/DS-PT
Ngày: 26/8/2025
“*V/v tranh chấp ranh giới quyền
sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Thọ;

Các Thẩm phán: Ông Lê Khắc Thịnh;

Bà Kiều Kim Xuân;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Nghi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 364/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025, về việc “*Tranh chấp dân sự - Ranh giới quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2025/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện huyện Lấp Vò (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp) bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 489/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T năm 1956; (Có mặt).

Địa chỉ: Số D, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Nay là: Số D, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp

- Bị đơn: 1. Bà Phạm Mỹ X năm 1973; (Có mặt).

HKTT: Ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Tạm trú tại: Số D, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Nay là: Số D, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp

2. Bà Đặng M T1 sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số C, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Nay là: Số C, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp

Người đại diện theo uỷ quyền của chị T1 là: Bà Phạm Thị Đ năm: 1956; Địa chỉ: Số C, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Nay là: Số C, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- Người kháng cáo: Bà Trần Thị T2 nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2024, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Trần Thị T2 nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc đất hiện nay bà T3 sử dụng, trước đây là của ông Tăng V T2 được vợ chồng bà T4 lại vào năm 1984 và để chồng của bà T2 ông Nguyễn Thanh S tên quyền sử dụng đất. Năm 2020, thì chồng của bà T5, đến năm 2024 thì bà T6 làm thủ tục thừa kế sang tên cho bà T36 tên quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 54 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L cấp ngày 25/7/2024. Có diện tích 3.483,7m², đất tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Nguồn gốc đất là bà T7 thừa kế từ chồng. Khi làm thủ tục sang tên cho bà T36 tên thì cơ quan cấp giấy không tiến hành đo đạc mà làm thủ tục sang tên theo kích thước và diện tích ghi trong giấy chứng nhận. Giáp với thửa đất của bà T8 số 108, tờ bản đồ số 54, diện tích 1.801,4m² do Sở T46 tỉnh Đ cấp ngày 24/4/2018 cho bà Đặng M T1 và bà Phạm Mỹ X1 gốc đất của bà T1 và bà X2 nhận quyền chuyển nhượng từ bà Lê Thị T9

Hiện trạng ranh đất giữa đất của bà T10 đất của bà X3 T3 hiện nay, trước đó giữa hai bên có một con mương sử dụng chung làm ranh. Con mương này không biết do ai đào, có từ trước khi vợ chồng bà T7 chuyển nhượng đất từ ông Tăng Văn T11 cũng không có ai sử dụng mà chỉ là cái mương lạng, không có mốc giới, trụ đá để xác định ranh. Đến khoảng năm 2019, thì gia đình bà T12 thỏa thuận với bà Phạm Mỹ X4 bơm cát lấp mương và cắm trụ đá làm ranh và làm hàng rào lưới B40. Khi bơm cát lấp mương và làm hàng rào thì hai bên cùng làm và tiền thì chia đôi. Lúc thỏa thuận cắm ranh thì hai bên không có liên hệ địa chính xã hay huyện để đo đạc cắm ranh đất theo kích thước được ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà hai bên tự thỏa thuận căng dây rồi trồng trụ đá làm hàng rào lưới B40. Đến năm 2023, bà T12 xây dựng một hàng rào bằng tường gạch và trụ bê tông kiên cố có ốp gạch bông trước cửa nhà giáp đường bê tông. Khi xây dựng thì bà T6 xây dựng đến ranh tạm thời mà hai bên đã thỏa thuận làm hàng rào trụ đá lưới B40 từ năm 2019 chiều ngang mới có 24,80m, chứ chưa xây dựng hết phần đất của bà T13 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 26,78m.

Đến ngày 06 tháng 08 năm 2024, bà T12 liên hệ địa chính huyện L xã LB đến để đo đạc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 54 để tách thửa sang tên chia phần cho các con. Trong lúc đo đạc thì kích thước chiều ngang giáp đường bê tông của bà T44 đúng với kích thước ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

mà bị thiếu 2m so với giấy được cấp là 26,78m. Về kích thước đo chiều ngang giáp đường bê tông thì lấy từ giáp ranh đất của ông D qua đất của bà X2 26,78m mới đủ đất của bà T14 chiều ngang đất của bà T15 sau hậu thì đã đúng ranh giới quyền sử dụng đất giữa các bên. Sau khi phát hiện ranh đất giữa đất của bà T32 đất của bà X5 hai bên đã thỏa thuận ranh trước đây thì đất của bà T16 thiếu 02m (từ ranh đất hai bên thỏa thuận đo vào đất của bà X3 T3 thêm 02m mới đủ diện tích đất bề ngang giáp đường bê tông phần đất của bà T23 bà T12 yêu cầu phía bà X6 định lại ranh đất cho đúng với giấy được cấp giữa hai bên nhưng phía bà X7 đồng ý nên bà T12 làm đơn nhờ UBND xã LB giải quyết, UBND xã có mời hai bên đến UBND xã để hòa giải và UBND xã giải quyết yêu cầu bà T3 và bà X8 lại cho bà T17 tích đất 02m chiều ngang cấp đường bê tông nhưng bà T3 và bà X7 đồng ý nên hòa giải không thành.

Như vậy, phần đất của bà T18 đo đạc thực tế cạnh giáp đường bê tông là bị thiếu 02m so với giấy được cấp. Còn phần đất của bà X9 bà T3 đo đạc thực tế là dư hơn 02m so với giấy được cấp. Do đó, bà Tiên Đ1 NTòa án xác định diện tích đất qua đo đạc thực tế theo sơ đồ đo đạc ngày 26/3/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L diện tích là 104,7m² trong phạm vi các mốc M3, M7, M8 về M3 là thuộc thửa đất số 24 của bà T19 định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 24 của bà T32 thửa đất số 108 của bà X9 bà T3 là nối mốc M7 đến mốc M3 là ranh giới giữa hai thửa đất.

Đối với tiền bơm cát thì hai bên cùng hùn tiền để bơm cát hết 02 ghe (không nhớ bao nhiêu khối) nhưng số tiền 20.500.000 đồng. Nay thì bà Tiên đồng Ý cho bà X9 bà T20 số tiền bơm cát là 10.250.000đ (mười triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Còn hàng rào thì di dời qua tại ranh giới đất mà bà T21 cầu.

- Bị đơn bà Phạm Mỹ X9 bà Đặng M T1 cùng trình bày: Bà X9 bà T1 được Sở T46 tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 737478, số vào sổ cấp GCN: CS08059 vào ngày 24/4/2018 cho thửa đất số 108, tờ bản đồ số 54 diện tích 1.801,4m² đất trồng cây lâu năm. Nguồn gốc đất là nhận chuyển nhượng lại từ bà Lê Thị T22 năm 2018. Thời điểm nhận chuyển nhượng đất thì phần đất này đã có ranh giới với các thửa đất của các hộ xung quanh đã có sẵn. Trong đó, đối với phần ranh giới đất giữa đất của bà X9 bà T3 đang đứng tên với phần đất của bà Trần Thị T23 ranh giới giữa hai thửa đất có con mương lạng làm ranh nhưng chưa có trụ đá để xác định. Đến năm 2019, thì bà X9 bà T24 thống nhất thỏa thuận hùn tiền bơm cát và lấp mương để làm hàng rào xác định ranh đất giữa hai bên. Việc san lấp mương thì hai bên có thống nhất hùn tiền bơm cát và hùn tiền mua trụ đá, lưới B40 để làm hàng rào ranh, tiền thì chia đôi mỗi người một nửa. Việc kê ghe bơm cát, mua trụ đá và lưới B40 thì do bà T25 hiện, còn khi làm hàng rào thì hai bên cùng căng dây để trồng trụ đá và rào lưới B40.

Như vậy, ranh giới giữa hai thửa đất đã được các bên thỏa thuận xong và sử dụng ổn định cho đến nay không có thay đổi. Hiện nay, hàng rào trụ đá lưới B40 vẫn còn nên không có việc bà X9 T3 lấn đất của bà TDo đó, bà X9 bà T3 không đồng ý với yêu cầu của bà Trần Thị T26 ranh giới đất giữa đất của bà Phạm Mỹ X9 bà Đặng M T1 đang đứng tên với phần đất của bà Trần Thị T2 con nương đã có từ rất lâu, phía bà T27 không biết ai đào và thời điểm san lấp nương ranh vào năm 2019 thì hai bên cũng tiếp tục thống nhất xác định vị trí này là ranh giới đất giữa hai bên và đã cắm trụ đá và hàng rào xác định. Hơn nữa khi gia đình bà T28 hàng rào kiên cố ở cạnh giáp đường bê tông (ranh ngang) cũng chỉ làm đến ranh đất này và cũng không có tranh chấp. Đến khi bà T28 thủ tục tách thửa đất cho các con thì cho rằng đất bị thiếu so với giấy được cấp là không đúng. Do đó, đề nghị Tòa án giữ nguyên hiện trạng ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 108 của bà X9 bà T1 với thửa đất số 24 của bà T2 nối mốc M8 đến mốc M3 theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 26/3/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L bên đã thỏa thuận thống nhất.

Đối với tiền bơm cát thì phía bà X9 bà T1 thống nhất hai bên bơm cát hết 02 ghe (không nhớ bao nhiêu khối) nhưng số tiền 20.500.000 đồng thì thống nhất theo trình bày của bà T29 hợp Tòa án xử xác định phần diện tích đất tranh chấp là của bà T23 phía bà X9 bà T1 không có yêu cầu gì đối với số tiền đã bỏ ra để cùng với bà T30 cát và làm hàng rào. Nếu sau này có yêu cầu thì bà X9 bà T1 sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2025/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp), tuyên xử:

- Căn cứ vào Điều 166, Điều 175, Điều 176 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 236 Luật đất đai năm 2024;

- Căn cứ vào Điều 6, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 246, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T31
2. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa số 24 tờ bản đồ số 54 của bà Trần Thị T32 thửa số 108, tờ bản đồ số 54 của bà Phạm Mỹ X9 bà Đặng M T1 đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là đoạn thẳng nối mốc M3

đến mốc M8 theo sơ đồ đo đạc số 4/SĐ.ĐĐ/CNVP.ĐKĐĐ ngày 26/3/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đ2, tỉnh Đồng Tháp.

3. Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ lòng đất đến không gian. Tài sản của các bên (nếu có) lấn chiếm ranh đất phải có nghĩa vụ di dời theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò và sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp số 4/SĐ.ĐĐ/CNVP.ĐKĐĐ ngày 26/3/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T33 miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc: Bà Trần Thị T34 nộp số tiền là 8.991.000đ (Tám triệu chín trăm chín mươi một nghìn đồng). Số tiền này bà T24 nộp và chi xong.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Trần Thị T31 kháng cáo yêu cầu: Sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Phạm Mỹ X9 bà Đặng M T1 trả lại cho bà T35 diện tích đất 105m² đã lấn chiếm thuộc một phần thửa đất số 24, tờ bản đồ số 54, diện tích 3.483,7m², đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp do bà Trần Thị T36 tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.
- Bị đơn: không đồng ý yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của chị Trần Thị T31, tuyên giữ nguyên án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị T31 đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên kháng cáo được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Bà Trần Thị T31 và Phạm Mỹ X và Đặng M T1 đều xác định phần diện tích đất tranh chấp ranh giới giữa các đương sự có diện tích là 104,7 m² trong phạm vi các mốc M3, M7, M8 về M3 theo sơ đồ đo đạc ngày 26/3/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L

Phía bà T21 cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất của bà T32 thửa đất của bà X9 và T1 là đoạn thẳng nối mốc M3 đến mốc M7. Phía bà X9 và T1 yêu cầu Tòa án giữ nguyên ranh giới giữa thửa đất của bà X9 và T1 với đất của bà T2 tại ranh giới mà các bên đã thỏa thuận xác nhận cắm trụ đá và làm hàng rào lưới B40 là đoạn thẳng nối mốc M3 đến mốc M8 đã sử dụng ổn định.

[3] Việc bà T21 cầu xác định diện tích đất đo đạc thực tế 104,7m² là thuộc thửa đất số 24 của bà T10 xác định ranh giới quyền sử dụng đất là tại mốc M3 đến M7. Bà T37 ra chứng cứ là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L cho cho bà T38 ngày 25/7/2024 và trích lục bản đồ địa chính thể hiện phần đất của bà T39 giáp đường bê tông có kích thước là 26,78m nhưng nay đo đạc thực tế là bị thiếu 02m. Trong khi phần đất của bà X9 và T1 qua thực tế cạnh giáp đường bê tông là dư hơn 02m so với giấy được cấp. Ngoài ra bà T44 đưa ra được chứng cứ để chứng minh là phía bà T1 và X lấn qua đất của bà T

Xét thấy, theo kích thước ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trích lục bản đồ so với kích thước qua đo đạc thực tế mà phía bà T19 định khi đo đạc thì không đồng bộ với nhau. Cụ thể, các cạnh không tranh chấp đều có số đo khác so với đo đạc thực tế. Tại phiên tòa bà T27 thừa nhận kích thước các cạnh khác của thửa đất khi đo đạc thực tế mà bà T19 định cũng có chênh lệch so kích thước ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T40 và T41 tranh chấp kích thước tại cạnh giáp đường bê tông.

Tại Công văn số 1682/CNVPĐKĐDHV ngày 05/5/2025, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L xác định khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất số 108 cho bà X3 T1 và thửa đất số 24 cho bà T23 không có đo đạc thực địa, những hộ giáp ranh liền kề không ký tên. Do đó, không có căn cứ xác định số đo được ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là số đo thực tế của thửa đất của bà T42 và T21 cầu xác định ranh đất giữa các thửa đất phía giáp đường bê tông phải đo đủ kích thước được ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không phù hợp.

[4] Tại phiên tòa phía bà T10 và T1 và X đều thừa nhận trước đây ranh giới giữa hai thửa đất có con mương làm ranh, con mương không biết ai đào và có từ

trước khi vợ chồng bà T7 chuyển nhượng đất, chưa có cắm trụ đá để làm ranh và là nương lạng nên cũng không có ai sử dụng. Đến năm 2019, thì hai bên thỏa thuận cùng hùn tiền để bơm cát lấp nương. Sau khi bơm cát xong thì hai bên thỏa thuận mua trụ đá và hàng rào lưới B40 để rào lại và xác định hàng rào là ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai bên. Hiện nay các trụ đá và hàng rào vẫn còn được thể hiện trên sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 26/3/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L tại mốc M3 đến mốc M8. Đồng thời, phía bà T27 thừa nhận khi làm hàng rào kiên cố trụ bê tông, xây tường gạch ốp gạch bông tại cạnh giáp đường bê tông thì bà T27 chỉ làm đến trụ đá hàng rào lưới B40 mà các bên đã thỏa thuận cắm và sử dụng đất trong phạm vi các trụ đá hàng rào đã xác định. Tuy nhiên, bà T43 rằng thỏa thuận cắm ranh vào năm 2019 không có giá trị do thời điểm này chỉ có hai bên tự thỏa thuận với nhau, không có lập biên bản cũng như có sự chứng kiến hay đo đạc của cán bộ địa chính nên bà T24 thỏa thuận chưa đúng với kích thước được ghi trong giấy chứng nhận nên nay yêu cầu xác định lại ranh đất theo giấy chứng nhận.

Xét thấy, giữa các bên đã có sự thỏa thuận cụ thể, rõ ràng, tự nguyện trong việc xác lập ranh giới quyền sử dụng đất bằng việc cùng bơm cát lấp nương, cùng cắm trụ đá và lắp hàng rào lưới B40 vào năm 2019. Việc thỏa thuận này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa số 24 tờ bản đồ số 54 của bà Trần Thị T32 thửa số 108, tờ bản đồ số 54 của bà Phạm Mỹ X9 bà Đặng M T1 đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là đoạn thẳng nối mốc M3 đến mốc M8 theo sơ đồ đo đạc số 4/SĐ.ĐĐ/CNVP.ĐKĐĐ ngày 26/3/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đ2, tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị T44 cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T45 Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2025/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp).

[6] Về án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị T33 miễn tiền án phí phúc thẩm do là người cao tuổi

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 166, Điều 175, Điều 176 của Bộ luật dân sự năm 2015;
Căn cứ Điều 236 Luật đất đai năm 2024;

Căn cứ vào điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T31;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 47/2025/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (Nay là TAND khu vực 7 – tỉnh Đồng Tháp).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T31

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa số 24 tờ bản đồ số 54 của bà Trần Thị T32 thửa số 108, tờ bản đồ số 54 của bà Phạm Mỹ X9 bà Đặng M T1 đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là đoạn thẳng nối mốc M3 đến mốc M8 theo sơ đồ đo đạc số 4/SĐ.ĐĐ/CNVP.ĐKĐĐ ngày 26/3/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đ2, tỉnh Đồng Tháp.

Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ lòng đất đến không gian. Tài sản của các bên (nếu có) lấn chiếm ranh đất phải có nghĩa vụ di dời theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò và sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp số 4/SĐ.ĐĐ/CNVP.ĐKĐĐ ngày 26/3/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị T33 miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐT;
- TAND Khu vực 7;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng TT, KT và THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (T).

Nguyễn Phú Thọ